

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST

Ngày: 02- 03 – 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Châu

2. Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/HSST – QĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

NVT, sinh năm: 1999; tại: tỉnh Đồng Nai; nơi ĐKKHKT: Ấp PS, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe cuốc; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên cha: T (sinh năm: 1965); họ tên mẹ: R, sinh năm: 1969; chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 06/11/2020 đến nay. (Có mặt)

– **Bị hại:** Anh NVQ – sinh năm: 1982; Nơi đăng ký thường trú: Thôn 4, xã CH, thành phố KT, tỉnh Kon Tum; Địa chỉ liên lạc: ấp NH2, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

– **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh LVT – sinh năm: 1997; Nơi đăng ký thường trú: xã LT, huyện

TL, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú hiện nay: tổ A, khu phố B, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Bà R – sinh năm: 1969; Trú tại: Ấp PS, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

– *Người làm chứng*: Chị NTT – sinh năm: 1985; Nơi đăng ký thường trú: CH, thành phố KT, tỉnh Kon Tum; Địa chỉ liên lạc: NH, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/10/2020 NVT được nhận vào làm thử việc lái xe múc cho công ty xây dựng Quốc tế Gia Long tại công trình thi công hoa viên nghĩa trang thuộc ấp NH, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Đến tối hôm sau, vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 25/10/2020, lợi dụng lúc anh NVQ, sinh năm: 1982 là công nhân đang thi công công trình tại ấp NH, Xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai không trông coi tài sản, bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh Quyền là xe mô tô biển số: 82K3 – 9829 để bán lấy tiền tiêu xài. NVT lại gần xe mô tô biển số: 82K3 – 9829 dựng trước cổng lán trại của công trình, phát hiện chìa khóa cắm trên xe, NVT dắt xe mô tô biển số 82K3 – 9829 ra ngoài khoảng 10 m, sau đó nổ máy xe, điều khiển xe đi về thành phố BH, tỉnh Đồng Nai bán cho anh LVT – sinh năm: 1997 (tạm trú tại: khu phố A, phường lb, thành phố bh, tỉnh Đồng Nai) được 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Số tiền này NVT đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 6/11/2020, NVT đến công an xã QT đầu thú.

Ngày 09/11/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra đã yêu cầu định giá tài sản bị cáo chiếm đoạt. Kết luận định giá tài sản số 1277/KL – HDDG ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thống Nhất kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh, hiệu Wave alpha, loại KRSA 100, màu sơn xanh, dung tích 97cm³, biển số 82K3 – 9829, số máy 0196704, số khung 196670 đã qua sử dụng có giá trị là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo đã xin mẹ bị cáo đứng ra bồi thường cho bị cáo, mẹ bị cáo là bà R đã bồi thường cho bị hại 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Quá trình điều tra người bị hại NVQ đã nhận được tiền bồi thường thiệt hại là 10.000.000đ, có làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKS.TN ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo NVT, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo NVT đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng. Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Đã bồi thường thiệt hại; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà R: Bị cáo có xin bà đứng ra bồi thường cho bị hại, bà tự nguyện đứng ra bồi thường cho bị hại 10.000.000đ, bà là mẹ của bị cáo, bà không yêu cầu bị cáo phải thanh toán lại số tiền này cho bà.

Anh LVT vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có lời khai như sau: Anh và bị cáo là bạn bè quen biết nhau qua mạng xã hội. Khoảng 20 giờ tối ngày 25/10/2020 bị cáo gọi điện thoại cho anh và nhờ anh mua dùm xe, nên anh có mua của bị cáo 1 xe mô tô 82K3 – 9829 giá 2.700.000đ. Khoảng 2 ngày sau anh đăng hình lên trang web “chợ tốt” để bán. Ngày 27/10/2020 có 02 người mua (không rõ tên tuổi, địa chỉ). Khi bị cáo bán xe cho anh LVT xe có giấy tờ đầy đủ, bị cáo nói xe công ty cấp cho bị cáo, nên anh LVT không biết xe mô tô 82K3 – 9829 là xe do bị cáo trộm cắp mà có.

Chị NTT vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra có lời khai như sau: Chị là vợ của bị hại, khoảng 20 giờ anh Quyền phát hiện ra xe bị mất, có gọi điện thoại hỏi bị cáo có lấy không thì bị cáo trả lời “em đã về đến nhà rồi, mai em lên, rồi cúp máy”. Sau đó anh NVQ gọi tiếp cho bị cáo nhiều cuộc nhưng bị cáo không bắt máy, nhắn tin cũng không trả lời. Đối với xe là tài sản riêng của bị hại, chị không có ý kiến gì.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin cho bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Bị hại đã được bồi thường và không yêu cầu gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét thấy việc xét xử vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị hại là có căn cứ pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan LVT vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên xét thấy sự vắng mặt của anh Thắng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Người làm chứng NTT vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, xét thấy sự vắng mặt của chị NTT không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào Điều 293 hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 25/10/2020, tại trước cổng lán trại của công trình thi công hoa viên nghĩa trang thuộc ấp NH, Xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng lúc NVQ sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản nên NVT đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của NVQ là xe mô tô biển số 82K3 – 9829. Tài sản chiếm đoạt có giá trị là 6.500.000đ.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác như trên của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, đã trên 18 tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ kết tội bị cáo NVT phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xem xét để quyết định hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích để có tiền tiêu xài cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[3.2] Về nhân thân: chưa có tiền án, tiền sự.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[3.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; sau khi phạm tội người phạm tội ra đầu thú; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, không chỉ nhằm trừng trị bị cáo, mà còn giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục bị cáo tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, cho bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định để bị cáo được lao động, được học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

[3.5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét vào tình hình tài sản của người phạm tội Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại nhận được tiền bồi thường là 10.000.000đ (mười triệu đồng), đã làm đơn bãi nại về dân sự không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về vật chứng: Xe mô tô 02 bánh, hiệu Wave alpha, loại KRSA 100, màu sơn xanh, dung tích 97cm³, biển số 82K3 – 9829, số máy 0196704, số

khung 196670 là tài sản của bị hại nhưng sau khi trộm được bị cáo đã bán cho LVT với số tiền 2.700.000đ. Sau đó, Thắng đã bán lại cho người khác (chưa xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ) với số tiền 4.500.000đ. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thống Nhất đã ra thông báo truy tìm vật chứng và người có liên quan nhưng đến nay không có kết quả nên chưa có cơ sở xử lý.

[6] LVT đã có hành vi mua xe 82K3 – 9829 của bị cáo, nhưng không biết xe do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý LVT theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 333; Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo NVT phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo NVT 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2020.

2. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bà R có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, anh Thắng vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát ND H. Thống Nhất;
- Viện kiểm sát ND T. Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra huyện Thống Nhất;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Thống Nhất;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện
Thống Nhất;
- Nhà tạm giữ công an H. Thống Nhất.
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Lệ Thanh